TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 34/2020/HNGĐ-PT	
Ngày: 11 - 9 - 2020	
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2020/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc *"Tranh chấp chia tài sản và nợ chung sau khi ly hôn*".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 46/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quách Thúy K, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

(Hiện đang chấp hành hình phạt tại Trại giam Cái Tàu).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Kim G, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh là Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng Lựu; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền số 31/UYTT-NHNoUM ngày 09/7/2020) (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: ông Lê Thanh H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Quách Thúy K trình bày:*

Tại bản án số 145/2018/HNGĐ-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà và ông Lê Thanh H; giao con chung chưa thành niên cho bà nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung tự thỏa thuận, đồng thời không yêu cầu giải quyết về nợ chung. Sau khi ly hôn, bà và ông H không thỏa thuận được việc chia tài sản chung và nợ chung nên bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung và nợ chung theo quy định pháp luật.

Tài sản chung gồm phần đất diện tích 480 m^2 thuộc thửa số 418, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp 2, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau do bà và ông Lê Thanh H đứng tên giấy chứng nhận và căn nhà được xây dựng trên đất. Sau khi ly hôn, ông H quản lý sử dụng các tài sản trên. Đến ngày 11/12/2019 ông H đi chấp hành hình phạt tù do có hành vi cố ý gây thương tích cho bà thì các tài sản trên không có ai quản lý, sử dụng. Bà thống nhất với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc và thẩm định giá tài sản, không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản là vật dụng trong nhà và 03 ngôi mộ đá trên phần đất yêu cầu chia. Bà yêu cầu chia đôi tài sản chung, yêu cầu được nhận nhà và đất để mẹ con bà có nơi ở ổn định và đồng ý thanh toán một nửa giá trị tài sản chung cho ông H.

Về nợ chung là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện U Minh và vay của mẹ bà là Lê Kim G. Về khoản vay ngân hàng ban đầu vay vào khoảng năm 2014 – 2015 số tiền 50.000.000 đồng, đến 02 năm sau khi đáo hạn thì tăng lên thêm 20.000.000 đồng là 70.000.000 đồng. Tiền lãi đến nay bao nhiêu thì bà không biết. Tiền vay của Ngân hàng bà đưa cho ông H trả nợ. Bà yêu cầu chia đôi khoản nợ của ngân hàng theo quy định pháp luật.

Về nợ chung là khoản nợ 01 lượng vàng 24K và 12.000.000 đồng bà G cho mượn để mua đất. Chủ đất là bà Nguyễn Thị Bế vay tiền, vàng của bà G trước đó, đồng thời con bà Bế chơi hụi của bà nên sau khi trừ cấn bà Bế còn thiếu bà G 01 cây vàng 24K, bà G đưa cho bà Bế thêm 12.000.000 đồng, bà đưa bà Bế thêm

20.000.000 đồng nên tổng số tiền mua đất là 75.000.000 đồng. Về khoản nợ 80.000.000 đồng nợ của bà G mục đích mượn để cất nhà. Khi mượn của bà G thì bà đều nói cho ông H biết. Bà yêu cầu chia đôi khoản nợ của bà G theo quy định pháp luật.

** Bị đơn ông Lê Thanh H trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà K về việc ông và bà K thuận tình ly hôn. Ông thống nhất tài sản chung gồm phần đất diện tích 480 m^2 thuộc thửa số 418, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp 2, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau do ông và bà K đứng tên giấy chứng nhận và căn nhà được xây dựng trên đất. Ông thống nhất với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc và thẩm định giá tài sản, không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản là vật dụng trong nhà và 03 ngôi mộ đá trên phần đất yêu cầu chia. Ông đồng ý chia đôi tài sản chung, yêu cầu được nhận nhà, đất và đồng ý thanh toán một nửa giá trị tài sản chung cho bà K.

Về các khoản nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện U Minh và bà G ông không biết, không ký giấy tờ mượn nên không đồng ý trả. Ông xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe biển số 69H1-067.68.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim G trình bày:*

Bà có cho bà Quách Thúy K và ông Lê Thanh H mượn tổng cộng 01 cây vàng 24K và 92.000.000 đồng. Cụ thể lúc bà K mua đất thì thỏa thuận giá mua là 75.000.000 đồng, do bà Bế là chủ đất còn thiếu bà 01 cây vàng 24K nên trừ ngang, bà K đưa thêm cho bà Bế 20.000.000 đồng cũng chưa đủ nên bà có cho bà K mượn thêm 12.000.000 đồng để đưa cho bà Bế. Sau khi mua đất, đến thời điểm bà K cất nhà, lúc đó ông H thiếu nợ nhiều chỗ không có tiền, bà thương con gái nên có vay ngân hàng 80.000.000 đồng đưa cho bà K để cất nhà. Khi cho bà K mượn vàng, tiền bà đều có nói cho ông H biết. Việc bà cho bà K vay tiền, vàng không có giấy tờ chứng minh cũng không có người chứng kiến. Bà yêu cầu bà K và ông H cùng có trách nhiệm trả cho bà 01 cây vàng 24K và 92.000.000 đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:*

Ngày 22/9/2017 bà Quách Thúy K có ký hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện U Minh với số tiền 70.000.000 đồng. Nay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu bà Quách Thúy K trả cho Ngân hàng số tiền 85.550.356 đồng, trong đó tiền vay gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/7/2020 là 15.550.356 đồng.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 46/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 33,

59, 60, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu của bà Quách Thúy K về việc chia tài sản và nợ sau khi ly hôn.

Xác định tài sản chung của bà Quách Thúy K và ông Lê Thanh H là phần đất diện tích 480 m^2 thuộc thửa số 418, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp 2, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 146161 cấp cho ông Lê Thanh H, bà Quách Thúy K và căn nhà được xây dựng trên đất có đặc điểm như sau: Nhà chính kích thước 4,5m x 14,5m, tường xây, cột bê tông, mái lợp tol, nền gạch men, cửa kéo sắt; nhà phụ sau nằm phía bên trái nhà chính tính từ ngoài nhìn vào, kích thước 3,5m x 6,5m, khung gỗ địa phương, mái lợp tol, nền gạch tàu đã xuống cấp 100%; nhà phụ phía trước kích thước 4,5m x 4,5m, khung sườn gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lợp tol đã xuống cấp 100% *(có kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 134-2019, bút lục 114).*

Giao toàn bộ tài sản chung nêu trên cho bà Quách Thúy K quản lý, sử dụng. Buộc bà Quách Thúy K phải trả lại ½ giá trị tài sản chung cho ông Lê Thanh H là 145.386.632 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng*). Bà Quách Thúy K có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản được chia.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim G. Xác định khoản nợ 01 cây vàng 24K và 12.000.000 đồng của bà G là nợ chung, buộc bà K và ông H, mỗi người có trách nhiệm trả lại cho bà G 05 (năm) chỉ vàng 24K và 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Xác định khoản nợ 80.000.000 đồng của bà G là nợ riêng của bà K. Buộc bà K có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Quách Thúy K trả cho Ngân hàng số tiền 85.550.356 đồng, trong đó tiền vay gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/7/2020 là 15.550.356 đồng. Xác định khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là nợ chung, buộc ông Lê Thanh H và bà Quách Thúy K, mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 42.775.178 đồng (*Bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng*).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Lê Thanh H về việc chia tài sản chung là chiếc xe biển số 69H1-067.68. Ông H được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu chia tài sản đã rút.

- Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Bà Quách Thúy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.953.091 đồng. Bà K đã nộp tạm ứng án phí 1.024.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004476 ngày 10/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, bà K còn phải nộp tiếp số tiền 13.929.091 đồng (*Mười ba triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng*).

+ Ông Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.953.091 đồng. Ông H đã nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004705 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, ông H còn phải nộp tiếp số tiền 10.353.091 đồng (*Mười triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng*).

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.992.000 đồng (*Một triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004527 ngày 01/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

+ Buộc ông H trả lại cho bà K ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản với số tiền 2.850.000 đồng (*Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên lãi suất, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

- Ngày 21/7/2020 ông Lê Thanh H có kháng cáo về số tiền nợ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam và số nợ bà Lê Kim G 01 lượng vàng 24k và số tiền 12.000.000 đồng ông không đồng ý cùng chịu trách nhiệm thanh toán.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2020/HNGĐ-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Thanh H yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam; phần nợ vay bà Lê Kim G là 01 lượng vàng 24k và số tiền 12.000.000 đồng, ông không đồng ý cùng phải có trách nhiệm thanh toán với bà K.

Tại phiên tòa hôm nay ông H bà K không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Xét khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 09/7/2020 là 15.550.356 đồng. Tổng cộng là 85.550.356 đồng. Theo hợp đồng tín dụng do bà K xác lập đứng tên vay, loại hợp đồng vay tín chấp. Tại hồ sơ vay có sự ủy quyền và cam kết đảm bảo tài sản của ông H ký tên, khi vay ông H biết, tại thời điểm xác lập hợp đồng, bà K và ông H là vợ chồng cho thấy khoản nợ vay được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích bà K vay nhằm đáp ứng cho các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại tòa bà K chứng minh việc vay tiền là để phục vụ sinh hoạt chung vợ chồng như ăn, ở, học hành của vợ, chồng, con chung, cho nên được xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, buộc ông H cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà K và ông H, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán ½ số nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 42.775.178 đồng là có căn cứ. Số tiền trên nếu ông H bà K không thanh toán, được tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Đối với khoản nợ của bà Lê Kim G. Phần nợ 01 lượng vàng 24K và số tiền 12.000.000 đồng, mục đích vay để trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng, thực tế phần đất hiện nay đứng tên chung vợ chồng. Tại biên bản lời khai bà Nguyễn Thị Bé (tên gọi khác: Bế) đã xác nhận việc có thiếu vàng, tiền của bà G, khi chuyển nhượng đất cho bà K thì đối trừ và bà K có trả thêm 20.000.000 đồng, khoản nợ này được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân nhằm mục đích nhận chuyển nhượng, tạo nên khối tài sản chung nhà và đất của vợ chồng. Ông H cho là ông bán vé số, bà K bán tạp hóa. Vợ, chồng tích lũy tiền nên mua đất cất nhà không nợ ai, nhận thấy tại bản án số 145/2018/HNGĐ-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh có đề cập đến phần nợ nhưng các bên tự thỏa thuận, theo lời bà K nợ Ngân hàng đã có từ năm 2015 sau đó đáo hạn và không thanh toán được, như vậy nếu ông, bà có tích lũy tiền thì không vay ngân hàng từ năm 2015. Do đó, cấp sơ thẩm có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà G, bà K về việc bà G cho bà K mượn 01 lượng vàng 24K và số tiền 12.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà K, ông H đã cất nhà trên đất, nhà và đất đã được xác định là tài sản chung nên khoản nợ 01 lượng vàng 24K và số tiền 12.000.000 đồng là nợ chung, cho nên buộc bà K và ông H, mỗi người có trách nhiệm trả lại cho bà G 05 chỉ vàng 24K và 6.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 46/2020/HNGĐ-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

[5] Tại phiên tòa quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với ý kiến và các nhận định trên.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Quách Thúy K và ông Lê Thanh H phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia và nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của bà Lê Kim G và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Bà Quách Thúy K phải chịu án phí: 14.953.091 đồng.

- Ông Lê Thanh H phải chịu án phí: 10.953.091 đồng.

Bà K, ông H, mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản. Bà K đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản 5.200.000 đồng, buộc ông H trả lại cho bà K ½ các chi phí trên với số tiền 2.850.000 đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm dân sự ông Lê Thanh H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 33, 59, 60, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh H. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Quách Thúy K về việc chia tài sản và nợ sau khi ly hôn.

Xác định tài sản chung của bà Quách Thúy K và ông Lê Thanh H là phần đất diện tích 480 m^2 thuộc thửa số 418, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp 2, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền

sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 146161 cấp cho ông Lê Thanh H, bà Quách Thúy K và căn nhà được xây dựng trên đất có đặc điểm như sau: Nhà chính kích thước 4,5m x 14,5m, tường xây, cột bê tông, mái lợp tol, nền gạch men, cửa kéo sắt; nhà phụ sau nằm phía bên trái nhà chính tính từ ngoài nhìn vào, kích thước 3,5m x 6,5m, khung gỗ địa phương, mái lợp tol, nền gạch tàu đã xuống cấp 100%; nhà phụ phía trước kích thước 4,5m x 4,5m, khung sườn gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lợp tol đã xuống cấp 100% *(có kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 134-2019, bút lục 114).*

Giao toàn bộ tài sản chung nêu trên cho bà Quách Thúy K quản lý, sử dụng. Buộc bà Quách Thúy K phải trả lại ½ giá trị tài sản chung cho ông Lê Thanh H là 145.386.632 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng*). Bà Quách Thúy K có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản được chia.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim G. Xác định khoản nợ 01 cây vàng 24K và 12.000.000 đồng của bà G là nợ chung, buộc bà K và ông H mỗi người có trách nhiệm trả lại cho bà G 05 (năm) chỉ vàng 24K và 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Xác định khoản nợ 80.000.000 đồng của bà G là nợ riêng của bà K. Buộc bà K có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Quách Thúy K trả cho Ngân hàng số tiền 85.550.356 đồng, trong đó tiền vay gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/7/2020 là 15.550.356 đồng. Xác định khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là nợ chung, buộc ông Lê Thanh H và bà Quách Thúy K, mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 42.775.178 đồng (*Bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng*).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Lê Thanh H về việc chia tài sản chung là chiếc xe biển số 69H1-067.68. Ông H được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu chia tài sản đã rút.

- Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Bà Quách Thúy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.953.091 đồng. Bà K đã nộp tạm ứng án phí 1.024.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004476 ngày 10/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, bà K còn phải nộp tiếp số tiền 13.929.091 đồng (*Mười ba triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng*).

+ Ông Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.953.091 đồng. Ông H đã nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004705 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, ông H còn phải nộp tiếp số tiền 10.353.091 đồng (*Mười triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng*).

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.992.000 đồng *(Một triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004527 ngày 01/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

+ Buộc ông H trả lại cho bà K ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản với số tiền 2.850.000 đồng (*Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Thanh H phải chịu 300.000 đồng, ngày 27/7/2020 ông H đã dự nộp 300.000 đồng (Lai số 0005102) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, được chuyển thu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, ông H và bà K phải thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên. nếu ông H, bà K chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U MInh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Hùng Quang